

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 202/2023/HS-ST

Ngày: 05-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Châu.

2. Bà Võ Thị Thanh Tâm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 165/2023/HSST ngày 07/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1635/2023/QĐXXST-HS ngày 17/4/2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên **Bùi Thị Thanh M**, sinh năm 1993 tại tỉnh Bình Phước; Nơi đăng thường trú: Số A T, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: P, nhà cho thuê số F Đoàn H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Quang T và bà Dương Thị T1; Chưa có chồng, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 23/5/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị tạm giam ngày 18/10/2021 đến nay, Có mặt.

2/ Họ và tên **Vũ Thúy D**, sinh năm 1993 tại Cộng hòa liên bang Đ2; Nơi đăng thường trú: Số C đường số D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 4 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động

tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Dương Ngọc T2 và bà Tạ Thị Lan H; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam ngày 18/10/2021 đến nay, có mặt.

3/ Họ và tên **Hoàng Tuấn C**, sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng thường trú: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở: P, nhà cho thuê số C H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ văn hoá: Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T3 và bà Huỳnh Thị Kim T4; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/5/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị tạm giam ngày 18/10/2021 đến nay, có mặt.

4/ Họ và tên **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1969 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng thường trú: 6 N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: I B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ văn hoá: Biết đọc biết viết; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không rõ nhân thân) và bà Nguyễn Thị B; Có vợ là Đoàn Thị Băng T5 đã ly hôn và có 01 con sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 19/02/1983, bị UBND Thành phố H ra Quyết định tập trung cải tạo 3 năm về hành vi “Cướp giết hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân (Q Đ số 139/QĐUB).

- Ngày 12/5/1987, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Ngày 26/7/1993, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Ngày 20/9/1995, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 7 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Ngày 05/9/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 7 năm tù “Cướp tài sản”.

Bị tạm giam từ ngày 18/10/2021 đến nay, có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đặng Thế L.

Địa chỉ: 2 Cô B, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2/ Ông Trần Vũ T6, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 1 N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Bùi Thị Thanh M:

Ông Đinh Ngọc A là Luật sư của Công ty L1 và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thúy D:

Ông Nguyễn Trung C1, là Luật sư của Chi nhánh Văn phòng L2, Quận A, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 18/10/2021, tại trước nhà số D N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an quận B phát hiện Vũ Thúy D và Nguyễn Văn H1 đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra, thu giữ 01 gói nylon màu đen chứa tinh thể không màu mà D đang cầm trên tay phải, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng **9,8295 gam, loại Methamphetamine** và 01 túi vải màu xanh đen móc cùng chùm chìa khóa của D, bên trong có 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng **1,1354 gam, loại Methamphetamine**. D khai nhận trước đó, Nguyễn Văn H1 mang đến cho D 01 gói nylon chứa 20 gam ma túy, loại Methamphetamine theo sự chỉ đạo của Hoàng Tuấn C, sau đó D đem 20 gam ma túy này đi bán cho D1 (không rõ lai lịch), nhưng D1 chỉ mua 10 gam, số ma túy còn lại có khối lượng 9,8295 gam D định đưa cho H1 mang về trả lại cho C thì bị Công an phát hiện bắt giữ. Ngoài ra, D1 còn đưa cho D 03 gói nylon chứa **1,1354 gam ma túy, loại Methamphetamine** để bán kiếm lời. Tổ công tác đưa D và H1 cùng vật chứng vụ án đến Công an P, Quận B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D và ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với H1.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D tại phòng số A, nhà số D L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì thu giữ trên nệm trong phòng ngủ 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định có khối lượng 2,6598 gam, không tìm thấy ma túy.

Cùng ngày 18/10/2021, Công an quận B phối hợp với Công an phường T, Quận A tiến hành **khám xét chỗ ở của Hoàng Tuấn C** tại phòng 107, nhà số C H, phường T, Quận A thì thu giữ 01 bình sử dụng ma túy, nên Công an quận B mời C về trụ sở Công an quận B để làm việc. Qua làm việc, C khai nhận đã mua

ma túy của Bùi Thị Thanh M ở đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bán lại cho Vũ Thúy D, nên Công an quận B ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với C.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận B phối hợp với Công an phường H, quận T tiến hành đưa C đi xác định địa điểm mua bán ma túy với Bùi Thị Thanh M tại nhà số F Đ Hồ N, phường H, quận T. Lúc này, M đang chạy xe gắn máy biển số 93P1-786.06 từ trong nhà đi ra nên lực lượng Công an tiến hành kiểm tra thì phát hiện trong túi đeo màu đen để ở бага xe gắn máy biển số 93P1-786.06 do M điều khiển có 02 túi nylon, bên trong có chứa chất bột màu xám, kết quả giám định có khối lượng 22,772 gam, nhưng không tìm thấy ma túy. Tiến hành khám xét chỗ ở của M tại phòng 201, nhà số F Đoàn H, phường H, quận T, thu giữ các vật chứng gồm:

- Thu giữ trên gác lửng:

+ 01 két sắt màu trắng xám để trên nệm, bên trong có: 02 gói nylon chứa 127 viên nén hình kim cương màu xanh dương, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng **61,8366 gam, loại Ketamine**; 01 gói nylon chứa chất bột và mảnh vụn viên nén màu xanh lục, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng **8,1994 gam, loại Ketamine** và 01 cân điện tử.

+ Trong góc phải ngăn dưới cùng của tủ đựng đồ có 01 hộp nhựa màu trắng và 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu, kết quả giám định có tổng khối lượng 820,244 gam, không tìm thấy ma túy và 01 muỗng kim loại.

- Dưới bậc cầu thang có 01 hợp đồng thuê nhà ghi ngày 22/7/2021 giữa Bùi Thị Thanh M và Công ty H4

M khai nhận số ma túy thu giữ nêu trên là của M cất giấu để bán cho người khác kiếm lời nên ngày 18/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận B ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với M.

Tất cả số ma túy thu giữ của D và M đã được giám định, kết quả thể hiện tại các Kết luận giám định số 5676 và 5677/KLGĐ-H ngày 27/10/2021 của Phòng K, Công an Thành phố H (bút lục số 75, 198-199).

Tại Cơ quan điều tra Bùi Thị Thanh M khai nhận: Khoảng tháng 6/2021, thông qua một người bạn tên B1 (không rõ lai lịch) giới thiệu nên M quen biết Hoàng Tuấn C. Qua trao đổi, C biết M đang mua bán ma túy, nên ngày 17/10/2021 C đặt mua của M 30 gam ma túy đá với giá 9.000.000 đồng. Sau đó, M liên lạc với T7 (không rõ lai lịch) đặt mua 30 gam ma túy đá giá 8.400.000 đồng để bán cho C. Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 18/10/2021, C đến chỗ ở của M để mua ma túy, nhưng do không đủ tiền nên C thỏa thuận sẽ trả trước cho M 4.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng sẽ trả cho Mai sau khi bán hết số ma túy trên thì M đồng

ý và giao 30 gam ma túy đá cho C. Đối với số ma túy mà Công an thu giữ khi khám xét chỗ ở của M là của M mua của Ốc T8 (không rõ lai lịch) khoảng 150 viên nén, gồm 140 viên màu xanh dương và 10 viên nén màu xanh lục, với giá 60.000 đồng/01 viên. Sau đó, có người khách tên Đ (không rõ lai lịch) đến chỗ ở của M để đặt mua 100 gam ma túy đá và khoảng 100 - 200 viên thuốc lắc, nhưng khi nhìn thấy thuốc lắc do M cung cấp không đạt yêu cầu nên Đ chỉ lấy 50 viên và đưa tiền cọc 20.000.000 đồng cho M. Sau đó, Đ chỉ đồng ý mua 10 viên thuốc lắc, trả lại cho M 40 viên và M mang về nhà cất giấu thì bị khám xét thu giữ cùng số ma túy còn lại chưa kịp bán.

Hoàng Tuấn C khai: Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 18/10/2021, C đến chỗ ở của M mua 30 gam ma túy. Sau đó C đem về chỗ ở tại phòng A, nhà số C H, phường T, Quận A cất giấu, để bán cho khách. Cùng ngày 18/10/2021, Vũ Thúy D điện thoại cho C để đặt mua 20 gam ma túy đá và C đồng ý bán với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, C điện thoại nhờ Nguyễn Văn H1 đến chỗ ở của C chỉnh sửa loa giúp C và C đem 01 gói ma túy đã mua của M trước đó lấy ra 10 gam để sử dụng. Số ma túy còn lại khoảng 20 gam, C dùng để bán cho Vũ Thúy D, do D không biết chỗ ở của C nên C đã nhờ H1 xuống dẫn D lên phòng 107 để gặp C và tại đây H1 nghe rõ việc giao dịch mua bán ma túy giữa C với D. D yêu cầu C mang ma túy đến giao cho D tại khu vực chùa B2, quận B và D sẽ thanh toán tiền cho C thì C đồng ý. C nhờ H1 điều khiển xe gắn máy biển số 59E1-04548 đem 01 gói nylon chứa 20 gam ma túy đá đi giao cho D và nhận tiền về đưa cho C. Sau khi nhận ma túy từ H1 và chào bán cho khách thì D nhắn tin cho C là khách chê ma túy nhuyễn nên chỉ lấy một nửa là 10 gam và sẽ trả lại 10 gam thì C đồng ý và kêu D đưa số ma túy còn lại cho H1 cầm về cho C. Khi D chuẩn bị đưa số ma túy trên cho H1 thì cả hai bị phát hiện bắt giữ.

Vũ Thúy D và Nguyễn Văn H1 khai: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 18/10/2021, D1 (không rõ lai lịch) liên lạc với D đặt mua 25 gam ma túy đá với giá 8.000.000 đồng. D liên lạc với C để đặt mua 25 gam ma túy đá, nhưng C nói không đủ 25 gam mà chỉ có 20 gam và bán với giá bán 7.000.000 đồng thì D đồng ý mua và hẹn giao dịch tại nhà của C. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, D nhờ H2 (không rõ lai lịch) chở D đến chỗ ở của C tại nhà số C H, phường T, Quận A và C kêu H1 xuống đường dẫn D lên phòng 107 gặp C, còn H2 thì đứng ở dưới đường chờ D. Tại phòng 107, H1 nghe rõ việc giao dịch, thỏa thuận việc mua bán ma túy giữa C và D nhưng không có ý kiến gì. D yêu cầu C đem ma túy đến giao cho D tại khu vực chùa B2, quận B rồi D sẽ trả đủ tiền mua ma túy thì C đồng ý. Do bận công việc nên C nhờ H1 đem ma túy đến điểm hẹn giao cho D và D đem ma túy đi giao cho D1 (không rõ lai lịch), nhưng D1 chê ma túy nhuyễn nên chỉ

lấy 10 gam giá 4.000.000 đồng, còn lại 10 gam D đem xuống định đưa lại cho H1 mang về trả lại cho C thì bị Công an phát hiện, bắt giữ.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án:

1/ Thu giữ của Vũ Thúy D, gồm:

- 03 gói nylon bên ngoài (gói 1,2, 3) có chữ ký của giám định viên Trần Đình H3 và Cán bộ điều tra Ngô Sỹ Anh T9, bên trong là ma túy và mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 điện thoại di động hiệu S, sim số 0909.045.704 dùng để liên lạc cá nhân và mua bán ma túy.

- 01 chùm chìa khóa, 01 túi vải màu xanh-đen, 01 túi nylon màu đen; 01 bao lì xì màu đỏ dùng để sử dụng cá nhân và cất giấu ma túy.

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

- Tiền Việt Nam: 4.800.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng là tiền vừa bán ma túy cho D1 và 800.000 đồng là tiền cá nhân của D, không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản tại kho bạc Nhà nước Q để quản lý theo quy định.

2/ T10 của Nguyễn Văn H1, gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, sim số 0902.051.545 dùng để liên lạc cá nhân và mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 xe gắn máy biển số 59E1-045.48, số khung: RLHJF1803AY559574, số máy: JF27E-0582551 do ông Đặng Thế L ngụ tại số B C B, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký chủ sở hữu, hiện ông L không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ nên chưa ghi được lời khai. Bị can H1 khai mua xe này vào năm 2011 từ một người thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 15.000.000 đồng, nhưng không có làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Ngày 18/10/2021, H1 sử dụng xe để thực hiện tội phạm.

3/ T10 của Hoàng Tuấn C, gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, sim số 0327.016.313 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, sim số 0775.986.216 dùng để liên lạc cá nhân và mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 loa để nghe nhạc và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

4/ T10 của Bùi Thị Thanh M, gồm:

- 03 gói nylon bên ngoài (gói 1,2, 3) có chữ ký của giám định viên Trần Đình H3 và Điều tra viên Cần Đình V, bên trong là ma túy và mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, sim số 0777.181.866 và 01 điện thoại di động hiệu S, sim số 0773.933.322 dùng để liên lạc cá nhân và mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 túi đeo màu đen, 01 kết sắt màu trắng, 01 hộp nhựa màu trắng, 01 muỗng bằng kim loại, 01 cân điện tử màu đen trắng dùng để cất giấu và phân chia ma túy.

- 01 xe gắn máy biển số 93P1-786.06; số khung: RLCUG1010KY242214; số máy: G3D4E1013254. Kết quả giám định đã xác định biển số trên là giả; xe có số khung, số máy trên có biển số thật là 59V3-378.25 do anh Trần Vũ T6, sinh năm 1995 ngụ tại số A N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên sở hữu. Anh T6 khai chiếc xe trên đã bị mất trộm vào đêm 20/7 rạng sáng ngày 21/7/2021 tại nhà số A N, Phường A, quận G nhưng do dịch bệnh Covid-19 nên anh T6 không đến cơ quan Công an trình báo. Bị can M khai nhận đã mua chiếc xe của một người bán xe trên mạng xã hội vào cuối tháng 9/2021 với giá 20.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ mua bán và sang tên theo quy định. Ngày 18/10/2021 M sử dụng xe thực hiện tội phạm thì bị phát hiện bắt giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có người đến liên hệ, làm việc.

Tại bản Cáo trạng số 98/Ctr-VKSTPHCM-P1 ngày 20/02/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Bùi Thị Thanh M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố Vũ Thúy D, Hoàng Tuấn C và Nguyễn Văn H1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát mô tả. Khối lượng chất ma túy mà bị cáo Bùi Thị Thanh M mua bán là 100,036 gam các loại, gồm: 30 gam Methamphetamine và 70,036 gam Ketamine; Khối lượng chất ma túy mà bị cáo Hoàng Tuấn C và Nguyễn Văn H1 mua bán là 20 gam, loại Methamphetamine và khối lượng chất ma túy mà bị cáo Vũ Thúy D mua bán là 21,1354 gam, loại Methamphetamine. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Bùi Thị Thanh M về tội: “Mua bán trái phép

chất ma túy” theo điểm h, khoản 3, Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Vũ Thúy D, Hoàng Tuấn C và Nguyễn Văn H1 theo điểm i, khoản 2, Điều 251 Mai về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng tội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Bùi Thị Thanh M đã bị tòa án xét xử 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích mà phạm tội mới nên phạm vào tình tiết tăng nặng tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về hình phạt: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tòa xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh M từ 18 năm đến 19 năm tù và phạt bổ sung 30.000.000 đồng; xử phạt bị cáo Hoàng Tuấn C từ 9 năm đến 10 năm tù và phạt bổ sung 10.000.000 đồng; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 8 năm đến 9 năm tù và phạt bổ sung 10.000.000 đồng; xử phạt bị cáo Vũ Thúy D từ 9 năm đến 10 năm tù và phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tòa xử lý theo qui định của Pháp luật.

Luật sư Đinh Ngọc A bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Thanh M như sau:

- Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo M.

- Về hình phạt: Mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc, chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo có được. Vì ngoài tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải thì bị cáo M còn có tình tiết giảm nhẹ khác như trong thời gian chống dịch Co vid 19 bị cáo và gia đình đã có nghĩa cử tốt đẹp, tham gia giúp đỡ người dân bị bệnh, được UBND phường tặng giấy khen; bị cáo phạm tội trong thời gian chống dịch Co vid 19 do không tìm được việc làm. Luật sư đề nghị tòa xem xét áp dụng cho bị cáo M mức án thấp hơn mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Luật sư Nguyễn Trung C1 bào chữa cho bị cáo Vũ Thúy D như sau:

- Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Vũ Thúy D.

- Về hình phạt chính: Mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp. Bởi, vai trò bị cáo D là người giúp sức cho người có tên D1, bị cáo D là người môi giới cho D1 mua ma túy của bị cáo C; bị cáo không có việc làm nên tìm đến hành vi phạm tội để giải quyết khó khăn cho gia đình, do cha mẹ già yếu;

ông ngoại bị cáo là người có công với Cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến; sau khi bị bắt bị cáo đã khai và chỉ địa điểm nhà bị cáo Hoàng Tuấn C là người bán ma túy, từ đó Cơ quan điều tra khởi tố C và khởi tố bị cáo Bùi Thị Thanh M, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Luật sư đề nghị Tòa xử phạt bị cáo D mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D không thu lợi bất chính nên đề nghị không áp dụng.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, tranh luận với luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Thanh M như sau:

-Về việc bị cáo M có nghĩa cử tốt đẹp trong thời gian chống dịch Co vid 19: Luật sư xuất trình Giấy khen của UBND phường khen tặng cho mẹ của bị cáo, chứ không phải khen bị cáo.

-Bị cáo phạm tội trong thời gian chống dịch Co vid 19 do không tìm được việc làm không phải là tình tiết giảm nhẹ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa không chấp nhận hai nội dung bào chữa trên của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, tranh luận với luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Thúy D như sau:

- Bị cáo D là người trực tiếp mua ma túy của bị cáo C để bán cho D1 chứ không phải là người giúp sức hoặc là người môi giới cho D1 mua ma túy của bị cáo C. Bởi bị cáo mua 20gam ma túy của bị cáo C với số tiền 7 triệu đồng, bị cáo bán cho D1 8 triệu đồng.

-Bị cáo phạm tội trong thời gian chống dịch Co vid 19 do không tìm được việc làm không phải là tình tiết giảm nhẹ.

- Bị cáo sau khi bị bắt khai báo thành khẩn về việc mua ma túy của bị cáo C Viện kiểm sát đã đề nghị tòa áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát và các Luật sư bảo lưu ý kiến đã tranh luận và không tranh luận nội dung nào khác.

Bị cáo Bùi Thị Thanh M và Vũ Thúy D thống nhất toàn bộ luận cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho mình, không trình bày lời bào chữa bổ sung và không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Hoàng Tuấn C và bị cáo Nguyễn Văn H1 không trình bày lời bào chữa.

Các bị cáo không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát và trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Bùi Thị Thanh M và bị cáo Hoàng Tuấn C trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được, nên có đủ căn cứ để xác định: 70,036g chất ma túy, loại Ketamine mà Công an quận B thu giữ khi khám xét tại phòng 201, nhà số F Đoàn H, phường H, quận T vào ngày 18/10/2021 là của bị cáo Bùi Thị Thanh M cất giữ để bán lại cho người khác. Ngoài số ma túy bị thu giữ trên thì vào ngày 17/10/2021 bị cáo Bùi Thị Thanh M còn bán cho bị cáo Hoàng Tuấn C 30 gam, loại Methamphetamine. Như vậy khối lượng chất ma túy mà bị cáo Bùi Thị Thanh M mua bán trái phép là 30 gam, loại Methamphetamine và 70,036gam, loại Ketamine. Do đó, hành vi của bị cáo Bùi Thị Thanh M đã đủ yếu tố cấu thành về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Lời khai của các bị cáo Hoàng Tuấn C, Vũ Thúy D1 và Nguyễn Văn H1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được, nên có đủ căn cứ để xác định: Ngày 18/10/2021 bị cáo Vũ Thúy D đến nhà bị cáo Hoàng Tuấn C đặt mua 20 gam chất ma túy, loại Methamphetamine để bán lại cho người có tên D1. Bị cáo Hoàng Tuấn C nhờ bị cáo Nguyễn Văn H1 mang 20gam chất ma túy trên đến giao cho bị cáo D và bị cáo D đã bán số ma túy này cho D1. Do ma túy bị nhuyễn nên D1 trả lại 9,8295gam, đồng thời D1 còn cho bị cáo D 1,1354gam để bán lại cho người khác và trong lúc bị cáo D chuẩn bị đưa 9,8295g ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn H1 để H1 mang về cho bị cáo C thì bị Công an P, Quận B bắt quả tang, thời điểm bị bắt là lúc 16 giờ ngày 18/10/2021, tại trước nhà số D N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy khối lượng chất ma túy mà bị cáo Hoàng Tuấn C mua

bán trái phép là 30 gam, loại Methamphetamine; khối lượng chất ma túy mà bị cáo Vũ Thúy D mua bán là 21,1354gam, loại Methamphetamine. Do đó, hành vi của bị cáo Hoàng Tuấn C và bị cáo Vũ Thúy D đã đủ yếu tố cấu thành về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn H1 phù hợp với lời khai của Hoàng Tuấn C và bị cáo Vũ Thúy D về thời gian và địa điểm mà bị cáo H1 nhận ma túy của bị cáo C và giao ma túy cho bị cáo D, nên có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo Nguyễn Văn H1 biết được bị cáo Vũ Thúy D đến nhà bị cáo Hoàng Tuấn C là để hỏi mua ma túy; Bị cáo cũng hoàn toàn biết được gói nylon mà bị cáo C đưa cho bị cáo để mang đến giao cho bị cáo D là chất ma túy. Do đó, theo Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H1 là đồng phạm với bị cáo Hoàng Tuấn C, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, với vai trò là người giúp sức.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị Thanh M gây ra là đặc biệt nghiêm trọng. Nó không những xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất gây nghiện, mà còn có khả năng xảy ra các hậu quả nghiêm trọng khác cho xã hội do người sử dụng trái phép chất ma túy gây ra. Bị cáo đã bị tòa án xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo không tiếp tục tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội mà quay lại con đường mua bán trái phép chất ma túy và lần phạm tội này có tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn. Điều này cho thấy bị cáo là người là người bất chấp pháp luật, sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, do đó hình phạt áp dụng cho bị cáo phải nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe đối với những ai có ý định thực hiện hành vi tương tự như bị cáo.

[7] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Tuấn C, Vũ Thúy D và Nguyễn Văn H1 gây ra là rất nghiêm trọng. Bị cáo Hoàng Tuấn C đã bị Tòa án đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo Nguyễn Văn H1 đã nhiều lần bị tòa án phạt tù, nên hai bị cáo này có điều kiện để nhận thức được mọi hành vi phạm pháp đều bị pháp luật xử lý. Nhận thức được vậy nhưng vì động cơ, mục đích tư

lợi nên các bị cáo đã lao vào con đường mua bán trái phép chất ma túy, do đó hình phạt áp dụng cho hai bị cáo này cũng phải nghiêm khắc. Tuy nhiên bị cáo Nguyễn Văn H1 chỉ là người giúp sức cho bị cáo C, nên hình phạt áp dụng cho bị cáo H1 phải thấp hơn hình phạt áp dụng cho bị cáo C. Bị cáo Vũ Thúy D chưa có tiền án tiền sự, nên hình phạt áp dụng cho bị cáo D phải thấp hơn so với hình phạt áp dụng đối với bị cáo Hoàng Tuấn C, nhưng phải cao hơn hình phạt áp dụng cho bị cáo Nguyễn Văn H1.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần phạt bổ sung một khoản tiền để tăng cường tính răn đe và giáo dục.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của Vũ Thúy D, gồm:

- 03 gói nylon bên ngoài (gói 1,2,3) có chữ ký của giám định viên Trần Đình H3 và Cán bộ điều tra Ngô Sỹ Anh T9, bên trong là ma túy và mẫu vật còn lại sau giám định.

- 01 túi vải màu xanh-đen, 01 túi nylon màu đen; 01 bao lì xì màu đỏ. dùng để sử dụng cá nhân và cất giấu ma túy.

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Các vật chứng trên là vật cấm tàng trữ cấm lưu hành và có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo D, nên căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu S, sim số 0909.045.704 mà bị cáo D dùng để liên lạc cá nhân và mua bán ma túy.

- T13: 4.000.000 đồng, là tiền bán ma túy cho D1.

Các vật chứng trên là vật có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo D, nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 chùm chìa khóa và 800.000 đồng. Quá trình điều tra không chứng minh bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo D.

[9.2] Thu của Nguyễn Văn H1, gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh, sim số 0902.051.545 dùng để liên lạc cá nhân và mua bán trái phép chất ma túy. Là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H1 nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 xe gắn máy biển số 59E1-045.48, số khung: RLHJF1803AY559574, số máy: JF27E-0582551 do ông Đặng Thế L ngụ tại số B C B, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký chủ sở hữu, hiện ông L không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ nên chưa ghi được lời khai. Bị can H1 khai mua xe này vào năm 2011 từ một người thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 15.000.000 đồng, nhưng không có làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, nên tuyên trả lại cho ông Đặng Thế L.

[9.3] Thu của Hoàng Tuấn C, gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, sim số 0327.016.313 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, sim số 0775.986.216 dùng để liên lạc cá nhân và mua bán trái phép chất ma túy. Là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H1 nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, là vật có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và không còn giá trị; 01 loa để nghe nhạc không có liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng tại phiên tòa bị cáo khai cái loa này không còn giá trị và không có nhu cầu nhận lại. Do đó tuyên tịch thu tiêu hủy hai đồ vật trên.

[9.4] Thu của Bùi Thị Thanh M, gồm:

- 03 gói nylon bên ngoài (gói 1,2, 3) có chữ ký của giám định viên Trần Đình H3 và Điều tra viên Cán Đình V, bên trong là ma túy và mẫu vật còn lại sau giám định. Là vật cầm tàng trữ cầm lưà hành và có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo D, nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, sim số 0777.181.866 và 01 điện thoại di động hiệu S, sim số 0773.933.322 dùng để liên lạc cá nhân và mua bán trái phép chất ma túy. Là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H1 nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 túi đeo màu đen, 01 kết sắt màu trắng, 01 hộp nhựa màu trắng, 01 muỗng bằng kim loại, 01 cân điện tử màu đen trắng dùng để cất giấu và phân chia ma túy. Là vật có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và không còn giá trị nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe gắn máy biển số 93P1-786.06; số khung: RLCUG1010KY242214; số máy: G3D4E1013254. Kết quả giám định đã xác định biển số trên là giả; xe có số khung, số máy trên có biển số thật là 59V3-378.25 do anh Trần Vũ T6, sinh năm 1995 ngụ tại số A N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên sở hữu. Anh T6 khai chiếc xe trên đã bị mất trộm vào đêm 20/7 rạng sáng ngày 21/7/2021 tại nhà số A N, Phường A, quận G nhưng do dịch bệnh Covid-19 nên anh T6 không đến cơ quan Công an trình báo. Bị can M khai nhận đã mua chiếc xe của một người bán xe trên mạng xã hội vào cuối tháng 9/2021 với giá

20.000.000 đồng, nhưng không làm giấy tờ mua bán và sang tên theo quy định. Do đó, tuyên trả xe trên cho anh Trần Vũ T6.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Xử phạt **Bùi Thị Thanh M** 17 (Mười bảy) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 18/10/2021).

Phạt bổ sung Bùi Thị Thanh M 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Xử phạt **Hoàng Tuấn C** 10 (M1) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 18/10/2021).

Phạt bổ sung Hoàng Tuấn C 10.000.000 (Mười triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Xử phạt **Vũ Thúy D** 9 (C2) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 18/10/2021).

Phạt bổ sung Vũ Thúy D 10.000.000 (Mười triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Xử phạt **Nguyễn Văn H1** 8 (T11) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 18/10/2021).

Phạt bổ sung Nguyễn Văn H1 10.000.000 (Mười triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng sau:

- 01 (một) điện thoại di động Samsung (gắn sim số 0909.045.704) (bỏ lưng, I: ...266165/8, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) mã số DT1/113BB/2023;

- 01 (một) túi vải màu xanh đen gắn kèm với chìa khóa; 01 (một) túi nylon màu đen; 01 (một) bao lì xì màu đỏ mã số LT1/113BB/2023.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme màu xanh (Gắn sim số 0902.051.545) (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) mã số DT2/113BB/2023.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone gắn sim số 0327.016.313 (không kiểm tra số sim, I do không có nguồn điện, Imei khay sim: ...701472, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) mã số DT3/113BB/2023;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone gắn sim số 0775.986.216 (không kiểm tra số sim, I do không có nguồn điện, Model A, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) mã số DT4/113BB/2023;

- 01 (một) loa mã số LT2/113BB/2023.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone gắn sim số 0777.181.866 (Màn hình bể, không kiểm tra số sim, I do không có nguồn điện, Model A1687, không kiểm tra tình trạng máy bên trong) mã số DT5/113BB/2023;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S gắn sim số 0773.933.322 (Màn hình bể, không Mode, không số, camera bể, không kiểm tra số sim do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy bên trong) mã số DT6/113BB/2023.

- Tiền Việt Nam: 4.000.000 (Bốn triệu) đồng theo Giấy nộp tiền ngày 05/10/2022 tại Ngân hàng TMCP C3.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1260/21 (gói 1) có chữ ký của Giám định viên Trần Đình H3 và cán bộ Ngô Sỹ Anh T9, bên trong là ma túy còn lại sau giám định mã số NP1/113BB/2023;

-01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1260/21 (gói 2) có chữ ký của Giám định viên Trần Đình H3 và cán bộ Ngô Sỹ Anh T9, bên trong là ma túy còn lại sau giám định mã số NP2/113BB/2023;

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1260/21 (gói 3) có chữ ký của Giám định viên Trần Đình H3 và cán bộ Ngô Sỹ Anh T9, bên trong là ma túy còn lại sau giám định mã số NP3/113BB/2023.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy mã số LT1/113BB/2023.

- 01 (một) bình hút đá mã số LT2/113BB/2023.

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1259/21 (gói 1) có chữ ký của Giám định viên Trần Đình H3 và Điều tra viên Cấn Đình V, bên trong là ma túy còn lại sau giám định mã số NP4/113BB/2023;

-01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1259/21 (gói 2) có chữ ký của Giám định viên Trần Đình H3 và Điều tra viên Cấn Đình V, bên trong là ma túy còn lại sau giám định mã số NP5/113BB/2023;;

-01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 1259/21 (gói 3) có chữ ký của Giám định viên Trần Đình H3 và Điều tra viên Cấn Đình V, bên trong là ma túy còn lại sau giám định mã số NP6/113BB/2023,;

- 01 (một) kết sắt màu trắng (Kiểu mini, kích thước khoảng 17x22cm) mã số LT3/113BB/2023;

- 01 (một) túi đeo màu đen; 01 (một) hộp nhựa màu trắng mã số LT4/113BB/2023;

- 01 (một) muỗng bằng kim loại; 01 (một) cân điện tử màu đen trắng.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên trả lại cho bị cáo Vũ Thúy D 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng, theo Giấy nộp tiền ngày 05/10/2022 tại Ngân hàng TMCP C3 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Vũ Thúy D 01 chùm chìa khóa, mã số LT1/113BB/2023.

- T12 trả lại 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 93P1-786.06, số khung: RLCUG1010KY242214, số máy: G3D4E1013254 mã số X MAY2/113BB/2023 cho ông Trần Vũ T6.

- Tuyên trả lại 01 (một) xe gắn máy 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda Airblade biển số 59E1-045.48, số khung: RLHJF1803AY559574, số máy: JF27E-0582551 mã số X MAY1/113BB/2023 cho ông Đặng Thế L.

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2023/113 ngày 10/01/2023 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC04 - Công an Thành phố H.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, để sung vào ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

-Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Cục THADS TP.HCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (4) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Người bào chữa; | (2) |
| - Đương sự; | (2) |
| - THAHS TP.HCM; | (1) |
| - Phòng PC53 - CA TP. HCM; | (1) |
| - UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; | (4) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) | (4) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu